

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2019
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông LÊ CÔNG QUYỀN

2/ Bà ĐỖ THỊ MỸ HẠNH

- Thư ký phiên tòa: Bà TRƯƠNG THỊ THẢO QUYÊN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN LÂM THÚY VI - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ TH**, sinh năm 1979 - (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 40 Đường 30-4, ấp Hiệp Hòa, xã HT, huyện H, tỉnh T.

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2019):

Bà **Phan Thị K**, sinh năm 1964 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 11, Hẻm 1, đường Nguyễn Trãi, Khu phố 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh T.

- Đồng bị đơn:

+ Bà **NGÔ THỊ KIM O**, sinh năm 1967 - (vắng mặt)

+ Ông **TÔ VĂN B**, sinh năm 1969 - (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 447 đường Nguyễn Chí Thanh, ấp Long K, xã Long Thành N, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2019 của chị Nguyễn Thị TH và lời trình bày của người đại diện hợp pháp của chị Hương là bà Phan Thị K trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện như sau:

Do quen biết nên chị Hương bắt đầu cho vợ chồng bà O, ông B vay tiền từ năm 2013, vay rồi trả nhiều đợt để bà O, ông B làm ăn, không thể chấp tài sản, không xác định thời hạn trả nợ, thỏa thuận tính lãi suất 1%/ tháng. Tính đến ngày 12/01/2019 bà O, ông B còn nợ chị Hương tổng cộng tiền gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), hẹn đến ngày 12/3/2019 trả, bà O có viết giấy nợ và ký tên. Sau khi bà O ký giấy nợ chốt tiền nợ thì hai bên đã hủy bỏ các giấy nợ trước đây. Từ sau khi viết giấy nợ ngày 12/01/2019 đến nay bà O, ông B có trả cho chị Hương 02 tháng tiền lãi là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), việc trả tiền lãi không làm giấy tờ gì. Nay chị Hương yêu cầu bà O, ông B cùng có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền gốc 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi, yêu cầu trả một lần.

*** Bà Ngô Thị Kim O trình bày:**

Bà O thừa nhận có vay tiền của chị Hương nhiều lần, bắt đầu vay từ năm 2013 vay rồi trả từng đợt, không thể chấp tài sản, thỏa thuận tính tiền lãi 5%/ tháng, giao nhận tiền tại nhà của chị Hương, bà vay tiền của chị Hương để cho người khác vay lại hưởng tiền lãi chênh lệch, do người khác không trả tiền cho bà nên bà không có tiền trả lại cho chị Hương. Ngày 12/01/2019 hai bên chốt sổ thì bà còn nợ chị Hương tổng cộng 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), trong đó có 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) là tiền lãi nhưng bà không có chứng cứ gì thể hiện số tiền lãi này, bà có viết giấy nhận nợ, hẹn đến ngày 12/3/2019 trả. Từ sau khi viết giấy nhận nợ bà chưa trả cho chị Hương số tiền gốc, lãi nào. Tiền vay của chị Hương bà sử dụng vào mục đích cho người khác vay lại, chồng bà là ông Tô Văn B hoàn toàn không biết, sau khi bà không trả nợ thì chị Hương có nói cho ông B biết để hai bên thỏa thuận trả nợ nhưng không thành nên chị Hương khởi kiện. Ông B nói với bà là không liên quan đến số nợ này, tự bà vay tiền thì bà phải có nghĩa vụ trả cho chị Hương, nên ông B không đồng ý đến Tòa án để giải quyết vụ án này. Do bà đã trả tiền lãi cho chị Hương nhiều rồi nhưng không có giấy tờ gì nên nay bà O đồng ý trả cho chị Hương số tiền 200.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi nữa và cũng không yêu cầu ông B liên đới trả, do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho ông B thông qua bà O nhưng ông B không lần nào có mặt. Do đó, Tòa án không lấy được lời khai của ông B.

Tại phiên tòa, bà K vẫn giữ nguyên yêu cầu của chị Hương, không có ý kiến gì khác; bà O và ông B vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hương, buộc bà O và ông B cùng có nghĩa vụ trả cho chị Hương số tiền gốc 200.000.000 đồng, ghi nhận chị Hương không yêu cầu tính tiền lãi. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà O và ông B là đồng bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà O, ông B.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 12/01/2019 bà O thừa nhận có vay của chị Hương số tiền 200.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/3/2019 trả, do bà O không trả tiền cho chị Hương là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán nên chị Hương khởi kiện. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà O thừa nhận hiện còn nợ chị Hương số tiền 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 12/01/2019, trong đó có 40.000.000 đồng là tiền lãi nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh nên xác định đây là tiền gốc, bà đồng ý trả cho chị Hương số tiền 200.000.000 đồng, số nợ này chỉ có mình bà giao dịch với chị Hương vay tiền để cho người khác vay lại, do đó bà tự nhận trách nhiệm trả, không yêu cầu ông B có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ cho chị Hương. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông B vẫn không có mặt nên không thu thập được lời khai của ông B và cũng không tiến hành đối chất được.

Xét việc chị Hương yêu cầu bà O và ông B cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho chị thấy rằng: Mặc dù chỉ có bà O giao dịch vay số tiền 200.000.000 đồng của chị Hương, ông B không vay tiền và cũng không ký tên trong giấy nợ, nhưng tại thời điểm bà O vay tiền của chị Hương thì bà O và ông B vẫn đang chung sống vợ chồng đến nay, số tiền vay bà O sử dụng vào mục đích cho người khác vay lại hưởng tiền lãi chênh lệch để lo cho cuộc sống chung của gia đình, không có chứng gì thể hiện đây là nợ riêng của bà O, số nợ này ông B biết và trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, ông B cũng không có ý kiến gì. Do đó, xác định đây là nợ chung của vợ chồng, nên cần buộc bà O và ông B cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Hương số tiền gốc 200.000.000 đồng là có cơ sở, ghi nhận chị Hương không yêu cầu tính tiền lãi. Đối với số tiền lãi 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) chị Hương thừa nhận bà O đã trả, do bà O không yêu cầu tính lại, nên không đặt ra giải quyết.

Bà O và ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị TH đối với bà Ngô Thị Kim O và ông Tô Văn B.

Buộc bà Ngô Thị Kim O và ông Tô Văn B có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị TH số tiền **gốc 200.000.000 đồng** (hai trăm triệu đồng). Ghi nhận chị Hương không yêu cầu bà O và ông B trả tiền lãi.

Kể từ ngày chị Hương có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà O, ông B không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà O, ông B còn phải trả cho chị Hương số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: Bà Ngô Thị Kim O và ông Tô Văn B phải chịu 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho chị Nguyễn Thị TH số tiền tạm ứng án phí **đã nộp 5.000.000 đồng** (năm triệu đồng) theo biên lai thu số **0013298** ngày 16 tháng 4 năm 2019.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị TH biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Ngô Thị Kim O và ông Tô Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (D).